

Tỷ số chuyển tiếp tại V2 <0,6	61,7	95,7	0,79 0,70-0,87	60,9	90,0	0,75 0,61-0,90
TZ index ≥ 0	93,6	69,6	0,82(0,71-0,92)	91,3	40,0	0,66(0,49-0,83)

NTTT: ngoại tâm thu thất. ĐRTP: đường ra thất phải. AUC: diện tích dưới đường cong. Se: độ nhạy. Sp: độ đặc hiệu. 95%CI: 95% khoảng tin cậy.

Khi so sánh chỉ số RWDI với một số tiêu chuẩn trước đó của điện tâm đồ tiêu chuẩn, chúng ta cũng có thể thấy giá trị vượt trội của chỉ số RWDI ≤ 40 ms so với tiêu chuẩn trước đó của điện tâm đồ tiêu chuẩn trong chẩn đoán NTTT khởi phát từ ĐRTP ở nhóm nghiên cứu chung và nhóm ngoại tâm thu thất chuyển tiếp tại V3 khi có diện tích dưới đường cong AUC lớn nhất so với các chỉ số còn lại cùng giá trị độ nhạy và độ đặc hiệu trên 90% (bảng 3.6). Kết quả này tương đồng so với kết quả nghiên cứu của Anderson (2020) [6].

IV. KẾT LUẬN:

Các chuyển đạo điện tâm đồ cải tiến với các chỉ số RWDI ≤ 40 ms, chỉ số biên độ sóng S $\geq 1,92$ mV, chỉ số biên độ sóng R $\leq 0,33$ mV, chỉ số tỷ số biên độ R/S $\leq 0,176$ có giá trị chẩn đoán ngoại tâm thu thất khởi phát từ ĐRTP. Trong đó chỉ số RWDI ≤ 40 ms là chỉ số có giá trị vượt trội so với các chỉ số của các chuyển đạo điện tâm đồ cải tiến cũng như so với các tiêu chuẩn trước đó của điện tâm đồ tiêu chuẩn trong chẩn đoán NTTT từ ĐRTP.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hiss R.G. và Lamb L.E. (1962). Electrocardiographic findings in 122,043 individuals. *Circulation*, **25**, 947–961.
- Lerman B.B. (2015). Outflow tract ventricular arrhythmias: An update. *Trends Cardiovasc Med*,

- 25(6), 550–558.
- Anderson R.D., Kumar S., Parameswaran R. và cộng sự. (2019). Differentiating Right- and Left-Sided Outflow Tract Ventricular Arrhythmias: Classical ECG Signatures and Prediction Algorithms. *Circ Arrhythm Electrophysiol*, **12(6)**, e007392.
- Yoshida N., Yamada T., McElderry H.T. và cộng sự. (2014). A novel electrocardiographic criterion for differentiating a left from right ventricular outflow tract tachycardia origin: the V2S/V3R index. *J Cardiovasc Electrophysiol*, **25(7)**, 747–753.
- Miyamoto K., Yokokawa M., Tanaka K. và cộng sự. (2007). Diagnostic and prognostic value of a type 1 Brugada electrocardiogram at higher (third or second) V1 to V2 recording in men with Brugada syndrome. *Am J Cardiol*, **99(1)**, 53–57.
- Anderson R.D., Kumar S., Binny S. và cộng sự. (2020). Modified Precordial Lead R-Wave Deflection Interval Predicts Left- and Right-Sided Idiopathic Outflow Tract Ventricular Arrhythmias. *JACC Clin Electrophysiol*, **6(11)**, 1405–1419.
- Phan Đình Phong (2014). Nghiên cứu điện sinh lý học tim của rối loạn nhịp thất khởi phát từ xoang Valsava và kết quả triệt đốt bằng năng lượng sóng có tần số Radio. *Tạp Chí Tim Mạch Học Việt Nam*.
- Ouyang F., Fotuhi P., Ho S.Y. và cộng sự. (2002). Repetitive monomorphic ventricular tachycardia originating from the aortic sinus cusp: electrocardiographic characterization for guiding catheter ablation. *J Am Coll Cardiol*, **39(3)**, 500–508.
- Celikyurt U., Agir A., Karauzum I. và cộng sự. (2018). Predicting value of coupling interval variability in determining the origin of ventricular premature contractions with V3 transition. *J Interv Card Electrophysiol Int J Arrhythm Pacing*, **53(2)**, 169–174.

THỰC TRẠNG KIẾN THỨC PHÒNG NGỪA TẾ NGÃ CHO NGƯỜI BỆNH CỦA ĐIỀU DƯỠNG KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN TẠI HAI BỆNH VIỆN VINMEC TIMES CITY VÀ VINMEC NHA TRANG NĂM 2022

Nguyễn Ngọc Sao¹, Trần Văn Tú¹, Mai Văn Chuyên¹, Lại Minh Hải¹

TÓM TẮT

Nghiên cứu về kiến thức phòng ngừa té ngã cho người bệnh của điều dưỡng khoa Hồi sức Cấp cứu tại

2 bệnh viện Vinmec Times City và Vinmec Nha Trang được tiến hành từ tháng 2 đến tháng 7 năm 2022.

Mục tiêu: Mô tả thực trạng kiến thức phòng ngừa té ngã cho người bệnh của điều dưỡng khoa Hồi sức Cấp cứu tại 2 bệnh viện Vinmec Times City và Vinmec Nha Trang năm 2022 và Phân tích một số yếu tố liên quan đến kiến thức phòng ngừa té ngã cho người bệnh của điều dưỡng khoa Hồi sức Cấp cứu. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** 126 điều dưỡng tại khoa Hồi sức Cấp cứu 2 bệnh viện được lựa chọn và hoàn thành các biểu mẫu câu hỏi về kiến thức phòng ngừa

¹Bệnh viện Vinmec Times City

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Ngọc Sao

Email: ngocsaonn@gmail.com

Ngày nhận bài: 24.6.2022

Ngày phản biện khoa học: 3.8.2022

Ngày duyệt bài: 15.8.2022

té ngã cho người bệnh với phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang. **Kết quả:** 67,5% điều dưỡng có kiến thức về phòng ngừa té ngã cho người bệnh ở mức đạt, nhóm điều dưỡng có thâm niên công tác tại khoa Hồi sức Cấp cứu từ 0-5 năm có kiến thức về phòng ngừa té ngã chỉ ở mức 59,2% kém hơn so với nhóm có thâm niên công tác tại khoa Hồi sức Cấp cứu trên 5 năm với tỷ lệ 78,2%, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê (POR=2,47; 95%CI: 1,12-5,48; p=0,03).

Từ khoá: Kiến thức, Điều dưỡng, Té ngã.

SUMMARY

THE SITUATION OF FALL PREVENTION KNOWLEDGE FOR PATIENTS OF NURSES IN RESUSCITATION AND EMERGENCY DEPARTMENT AND SOME RELATED FACTORS AT TWO HOSPITALS VINMEC TIMES CITY AND VINMEC NHA TRANG IN 2022

A study on fall prevention knowledge for patients of nurses in resuscitation and emergency department at two hospitals Vinmec Times City and Vinmec Nha Trang was conducted from February to July 2022. **Objective:** Describe the current situation of fall prevention knowledge for patients of nurses in resuscitation and emergency department at two hospitals Vinmec Times City and Vinmec Nha Trang in 2022 and Analysis of some factors related to fall prevention knowledge for patients of nurses in resuscitation and emergency department. **Subjects and research methods:** 126 nurses in resuscitation and emergency department of 2 hospitals were selected and completed questionnaires on fall prevention knowledge for patients with a cross-sectional descriptive research method. **Result:** 67.5% of nurses have good knowledge about fall prevention for patients, group of nurses with seniority working in the resuscitation and emergency department from 0-5 years have knowledge about fall prevention at only 59.2%, worse than the group with seniority in the resuscitation and emergency department over 5 years with the rate of 78.2%, the difference is statistically significant (POR=2.47; 95%CI: 1.12-5.48; p=0.03).

Keywords: Knowledge, nurses, fall.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Té ngã trong quá trình nằm viện là một trong những sự cố y khoa phải báo cáo liên quan đến quá trình chăm sóc người bệnh theo quy định của Bộ Y Tế(1). Té ngã cũng là một trong những sự cố y khoa phổ biến được báo cáo với nhiều tác động tiêu cực như chấn thương, tăng chi phí điều trị, kéo dài thời gian nằm viện thậm chí gây nguy hiểm đến tính mạng của người bệnh. Với vai trò chính là chăm sóc người bệnh, hiểu biết của điều dưỡng về phòng ngừa té ngã cho người bệnh ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng té ngã của người bệnh trong bệnh viện(2). Tại các bệnh viện thuộc hệ thống Vinmec, công tác điều dưỡng luôn được chú trọng hướng đến hạn chế

tối đa các sự cố y khoa. Tại khoa Hồi sức Cấp cứu, các nguy cơ té ngã của người bệnh rất cao do nhiều nguyên nhân. Các nghiên cứu về kiến thức của điều dưỡng về phòng tránh té ngã cho người bệnh tại đây là hết sức cần thiết để đánh giá thực trạng cũng như tìm ra các biện pháp nhằm giảm thiểu tối đa tình trạng té ngã của người bệnh trong quá trình chăm sóc, điều trị.

Vì những lý do trên, nghiên cứu: "Thực trạng kiến thức phòng ngừa té ngã cho người bệnh của điều dưỡng khoa Hồi sức Cấp cứu và một số yếu tố liên quan tại 2 bệnh viện Vinmec Times City và Vinmec Nha trang năm 2022" được tiến hành với 2 mục tiêu:

1) *Mô tả thực trạng kiến thức phòng ngừa té ngã cho người bệnh của điều dưỡng khoa Hồi sức Cấp cứu tại 2 bệnh viện Vinmec Times City và Vinmec Nha Trang năm 2022.*

2) *Phân tích một số yếu tố liên quan đến kiến thức phòng ngừa té ngã cho người bệnh của điều dưỡng khoa Hồi sức Cấp cứu.*

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thiết kế nghiên cứu. Nghiên cứu mô tả cắt ngang

Địa điểm và thời gian nghiên cứu

- Thời gian: Từ tháng 2 đến tháng 7 năm 2022.

- Địa điểm: Khoa Hồi sức Cấp cứu bệnh viện Vimec Times City và Vinmec Nha Trang.

Đối tượng nghiên cứu. Tất cả điều dưỡng đang công tác tại khoa Hồi sức Cấp cứu 2 bệnh viện Vimec Times City và Vinmec Nha Trang.

Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu toàn bộ: Tất cả các điều dưỡng đang công tác tại khoa Hồi sức Cấp cứu 2 bệnh viện Vimec Times City và Vinmec Nha Trang được đưa vào nghiên cứu trong đó:

- Vimec Times City: 75 điều dưỡng

- Vinmec Nha Trang: 58 điều dưỡng

Trên thực tế chúng tôi đã thu thập, làm sạch và đưa vào phân tích 126 phiếu trả lời.

Biến số. Các biến số của nghiên cứu gồm:

Phần I: Biến số về thông tin cá nhân của đối tượng nghiên cứu

Phần II: Biến số về kiến thức phòng ngừa té ngã cho người bệnh của điều dưỡng khoa Hồi sức Cấp cứu tại 2 bệnh viện Vinmec Times City và Vinmec Nha trang

Phần III: Biến số các yếu tố liên quan đến kiến thức phòng ngừa té ngã cho người bệnh của điều dưỡng khoa Hồi sức Cấp cứu tại 2 bệnh viện Vinmec Times City và Vinmec Nha trang.

Kỹ thuật, công cụ và quy trình thu thập số liệu. Bộ câu hỏi tự điền được soạn sẵn dựa

trên bộ công cụ Tool 2E: Fall Knowledge Test của Tổ chức nghiên cứu xây dựng Chính sách y tế và chất lượng Hoa Kỳ (3)

Xử lý và phân tích số liệu: Số liệu được nhập với phần mềm nhập liệu Epidata 3.1 và xử lý với phần mềm thống kê SPSS 19.0. Các Biến số định tính được thống kê mô tả tần số và tỷ lệ phần trăm. Sự khác biệt được xem xét qua test thống kê Chi bình phương.

Đạo đức nghiên cứu: Nghiên cứu được sự đồng ý và tự nguyện tham gia của đối tượng nghiên cứu và được lãnh đạo các đơn vị cho phép.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1 cho thấy các đặc điểm cá nhân và vị trí việc làm của ĐTNC. Kết quả cho thấy 2 nhóm tuổi 18-30 và trên 30 tuổi có tỷ lệ tương đương nhau, đa số ĐTNC có giới tính nữ với 69,0%, ĐTNC có thâm niên công tác trên 5 năm chiếm đa số với 72,2% trong khi đó đa số ĐTNC công tác ở khoa Hồi sức Cấp cứu dưới 5 năm chiếm 56,3%. Có 57,9% ĐTNC hiện đang công tác tại Vinmec Times City và 42,1% ĐTNC đang công tác tại Vinmec Nha Trang.

Bảng 1. Đặc điểm cá nhân và vị trí việc làm của ĐTNC.

Đặc điểm	Giá trị (Min-Max)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Nhóm tuổi	18-30	64	50,8
	31-60	62	49,2
Giới tính	Nam	39	31,0
	Nữ	87	69,0
Thâm niên công tác ngành Y	0-5 năm	35	27,8
	Trên 5 năm	91	72,2
Thâm niên công tác khoa HSCC	0-5 năm	71	56,3
	Trên 5 năm	55	43,7
Bệnh viện	Vinmec Nha Trang	53	42,1
	Vinmec Times City	73	57,9

Tỷ lệ ĐTNC có kiến thức về phòng ngừa té ngã cho người bệnh ở mức đạt là 67,5% cao hơn nhóm có kiến thức không đạt là 32,5%. Phân tích theo câu hỏi cho thấy kiến thức của ĐTNC về các chương trình phòng ngừa té ngã ở mức thấp nhất khi chỉ 1,6% ĐTNC có thể trả lời chính xác câu hỏi về chương trình phòng ngừa té ngã, trong khi đó kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ hiểu biết của ĐTNC về các khuyến nghị nhằm cải thiện sự an toàn cho người bệnh về phòng ngừa té ngã ở mức cao nhất với 86,5% ĐTNC có câu trả lời chính xác cho mục này (Bảng 2).

Bảng 2. Kiến thức của ĐTNC về phòng ngừa té ngã cho người bệnh.

Nội dung	Đạt		Không đạt	
	Tần số	Tỷ lệ %	Tần số	Tỷ lệ %
Câu 1. Khái niệm và liên quan đến phòng ngừa té ngã	96	76,2	30	23,8
Câu 2. Kiến thức về chương trình can thiệp té ngã	90	71,4	36	28,6
Câu 3. Kiến thức về liên quan té ngã và tiền sử bệnh/sử dụng thuốc	86	68,3	40	31,7
Câu 4. Kiến thức về đánh giá nguy cơ té ngã	29	23,0	97	77,0
Câu 5. Té ngã đối với người bệnh suy giảm vận động	63	50,0	63	50,0
Câu 6. Té ngã đối với người bệnh suy giảm nhận thức	61	48,4	65	51,6
Câu 7. Trách nhiệm của nhân viên y tế đối với phòng tránh té ngã	73	57,9	53	42,1
Câu 8. Các chương trình can thiệp trong bệnh viện về té ngã	2	1,6	124	98,4
Câu 9. Đánh giá người bệnh và môi trường	94	74,6	32	25,4
Câu 10. Yếu tố nguy cơ té ngã	69	54,8	57	45,2
Câu 11. Các chương trình cho người cao tuổi	55	43,7	71	56,3
Câu 12. Các chương trình giáo dục phòng tránh té ngã	74	58,7	52	41,3
Câu 13. Khuyến nghị cải thiện sự an toàn cho người bệnh	109	86,5	17	13,5
Kiến thức chung	85	67,5	41	32,5

Kết quả nghiên cứu cho thấy nhóm tuổi 18-30 có kiến thức về phòng ngừa té ngã kém hơn so với nhóm trên 30 tuổi (64,1% so với 69,5%), nhóm giới tính nam có kiến thức kém hơn so với nhóm nữ (61,5% so với 70,1%), nhóm có thâm niên công tác trong ngành y dưới 5 năm có kiến thức kém hơn so với nhóm trên 5 năm (62,9% so với 69,2%) và nhóm ĐTNC đang công tác tại Vinmec Nha Trang có kiến thức kém hơn so với

nhóm ĐTNC đang công tác ở Vinmec Times City (62,3% so với 71,2%), tuy nhiên sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$). Nghiên cứu cho thấy nhóm ĐTNC có thâm niên công tác tại khoa Hồi sức Cấp cứu từ 0-5 năm có kiến thức về phòng ngừa té ngã chỉ ở mức 59,2% kém hơn so với nhóm có thâm niên công tác tại khoa Hồi sức Cấp cứu trên 5 năm với tỷ lệ 78,2%, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($POR=2,47$; 95%CI:

1,12-5,48; p=0,03).

Bảng 3. Mối liên quan giữa các đặc điểm cá nhân với kiến thức về dự phòng té ngã cho người bệnh của ĐTN.

Đặc điểm	Giá trị	Kiến thức của ĐTN				POR (95%CI)	P
		Không Đạt		Đạt			
		Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %		
Nhóm tuổi	18-30	23	35,9	41	64,1	1,37 (0,65-2,90)	0,45
	31-60	18	30,5	41	69,5		
Giới tính	Nam	15	38,5	24	61,5	1,47 (0,66-3,24)	0,41
	Nữ	26	29,9	61	70,1		
Thâm niên công tác ngành Y	0-5 năm	13	37,1	22	62,9	1,33 (0,59-3,01)	0,53
	Trên 5 năm	28	30,8	63	69,2		
Thâm niên công tác khoa HSCC	0-5 năm	29	40,8	42	59,2	2,47 (1,12-5,48)	0,03
	Trên 5 năm	12	21,8	43	78,2		
Bệnh viện	Vinmec Nha Trang	20	37,7	33	62,3	1,50 (0,71-3,18)	0,34
	Vinmec Times City	21	28,8	52	71,2		

IV. BÀN LUẬN

Nghiên cứu cho thấy tỷ lệ ĐTN có kiến thức về phòng ngừa té ngã ở mức đạt chiếm tỷ lệ 67,5%, so với một số nghiên cứu trước đây trên thế giới, kết quả của nghiên cứu cho thấy tỷ lệ điều dưỡng viên có kiến thức về phòng ngừa té ngã ở mức cao. Nghiên cứu của Fasial Asiri năm 2017 ở Indonesia cho thấy tỷ lệ điều dưỡng viên có kiến thức về phòng ngừa té ngã mức đạt chỉ là 30,8% (4). Kết quả cũng cho thấy kiến thức của điều dưỡng viên trong nghiên cứu này cao hơn so với nghiên cứu của Le Quang Tri và đồng nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh khi tỷ lệ điều dưỡng có kiến thức về phòng ngừa té ngã ở mức đạt chỉ chiếm 40,3% (5). Trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Thuý và Trần Văn Long năm 2019 tại bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Nam, kiến thức của điều dưỡng viên ở mức đạt chỉ ở mức 38,3% (6). Nghiên cứu được triển khai năm 2020 tại bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định của nhóm tác giả Hoàng Thị Minh Thái và cộng sự cho thấy chỉ 56,5% điều dưỡng viên có kiến thức đạt về phòng ngừa té ngã cho người bệnh (7). Sự khác biệt của kết quả nghiên cứu này so với một số nghiên cứu khác có thể là do sự sai khác giữa các nhóm đối tượng nghiên cứu. Các nghiên cứu trước đây thường được triển khai trong môi trường bệnh viện công lập, do vậy kiến thức, thái độ phục vụ hay cả các chương trình tập huấn về phòng ngừa té ngã của điều dưỡng viên có những khác biệt. Trong nghiên cứu này của chúng tôi chỉ triển khai trên nhóm điều dưỡng viên tại khoa Hồi sức Cấp cứu, tại đây nguy cơ té ngã của người bệnh có thể cao hơn so với các khoa/phòng khác khiến điều dưỡng viên phải luôn cập nhật các kiến thức về phòng ngừa té ngã.

Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy điều dưỡng viên thâm niên công tác tại khoa Hồi sức Cấp cứu trên 5 năm có kiến thức về phòng ngừa té ngã cho người bệnh tốt hơn nhóm có thâm niên dưới 5 năm (POR=2,47; 95%CI: 1,12-5,48; p=0,03). Tuy nhiên sự khác biệt kiến thức ở các nhóm tuổi hay thâm niên trong ngành y lại không có ý nghĩa thống kê. Điều này gợi ý mỗi trường tại khoa Hồi sức Cấp cứu thực tế đã có những khác biệt nhất định tác động đến kiến thức của điều dưỡng viên về phòng tránh té ngã. Kết quả này có sự tương đồng nhất định với một số nghiên cứu trước đây. Nghiên cứu của Le Quang Tri trên nhóm 62 điều dưỡng ở Hồ Chí Minh cho thấy tỷ lệ điều dưỡng viên hệ ngoại có kiến thức phòng tránh té ngã tốt hơn nhóm hệ nội (5). Kết quả này cũng tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Thị Thuý tại bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Nam (6). Kết quả nghiên cứu có thể góp phần thúc đẩy định hướng nghiên cứu của chúng tôi trong thời gian tới cần được triển khai rộng hơn tại nhiều khoa phòng và xây dựng thêm các chương trình tập huấn phòng ngừa té ngã cho điều dưỡng viên trong hệ thống bệnh viện nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ y tế.

V. KẾT LUẬN

Tỷ lệ điều dưỡng tại khoa Hồi sức Cấp cứu 2 bệnh viện có kiến thức về phòng ngừa té ngã cho người bệnh ở mức trung bình với 67,5% điều dưỡng viên có kiến thức ở mức đạt. Kiến thức của đối tượng nghiên cứu về các chương trình phòng ngừa té ngã ở mức thấp nhất khi chỉ 1,6% đối tượng nghiên cứu có thể trả lời chính xác câu hỏi về chương trình phòng ngừa té ngã, trong khi đó kết quả nghiên cứu cho thấy mức

độ hiểu biết của đối tượng nghiên cứu về các khuyến nghị nhằm can thiệp sự an toàn cho người bệnh về phòng ngừa té ngã ở mức cao nhất với 86,5% đối tượng nghiên cứu có câu trả lời chính xác cho mục này. Nghiên cứu cho thấy nhóm ĐTNC có thâm niên công tác tại khoa Hồi sức Cấp cứu từ 0-5 năm có kiến thức về phòng ngừa té ngã chỉ ở mức 59,2% kém hơn so với nhóm có thâm niên công tác tại khoa Hồi sức Cấp cứu trên 5 năm với tỷ lệ 78,2%, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê (POR=2,47; 95%CI: 1,12-5,48; p=0,03).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Y Tế.** Tài liệu đào tạo liên tục an toàn người bệnh. Nhà xuất bản Y học. 2014.
- Lee In Kyoung.** Factor Associated with Nurses' Activities for Hospital Fall Prevention. The Korean Journal of Rehabilitation Nursing. 2011;16.1(55-62).
- Ganz DA, Huang C, Saliba D.** 2E Fall Knowledge Test. Preventing Fall in Hospitals: A Toolkit for Improving Quality of Care. Agency for Healthcare Research and Quality. 2013;13-0015(119-22).
- Faisal Asiri.** Fall prevention knowledge and practice patterns among home healthcare professionals in southern Saudi Arabia: an observational study. Journal of International Medical Research. 2018;46(12):5062-73.
- LE Q-T, Tran-Thi H-G, Tran M-K.** An Assessment of the Nurses' Knowledge and Practices of Inpatient Fall Prevention. International Archives of Medicine. 2020;13.
- Nguyễn Thị Thúy và Trần Văn Long.** Thực trạng kiến thức và thực hành về phòng ngừa té ngã cho người bệnh của Điều dưỡng tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Nam năm 2019. Khoa học Điều dưỡng. 2020;2(3):55-60.
- Hoàng Thị Minh Thái và cộng sự.** Kiến thức của điều dưỡng về phòng ngừa té ngã cho người bệnh tại bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định năm 2020. Tạp chí Y học Việt Nam. 2021;500(2).

THÁI ĐỘ CỦA ĐIỀU DƯỠNG BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VỀ PHÒNG NGÃ CHO NGƯỜI CAO TUỔI VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN

Thái Thị Thanh Huyền^{1,2}, Hồ Thị Kim Thanh²

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thái độ của điều dưỡng bệnh viện Hữu Nghị về phòng ngã cho người cao tuổi (NCT) và một số yếu tố liên quan. **Phương pháp:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang tiến hành từ tháng 2 đến tháng 6 năm 2021 trên 189 điều dưỡng bệnh viện Hữu Nghị. **Kết quả:** 86,8% điều dưỡng có thái độ tích cực về phòng ngã; 97,4% điều dưỡng quan tâm đến vấn đề phòng ngã; 48,7% điều dưỡng tự tin về năng lực phòng ngã. Tỷ lệ điều dưỡng có khả năng thái độ tích cực ở nhóm thâm niên dưới > 5 năm, cập nhật kiến thức phòng ngã, mong muốn học về phòng ngã, biết phòng ngã là tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện, biết bất kỳ chương trình phòng ngã cao hơn so với nhóm còn lại lần lượt là (OR = 3,96; 95% CI: 1,65-9,52), (OR=6,58; 95%CI: 1,84-23,55), (OR=5,46; 95%CI: 1,14-26,01), (OR=5,02; 95% CI: 1,31-19,24); (OR=3,54; 95% CI: 1,27-9,89). **Kết luận:** Hầu hết điều dưỡng có thái độ tích cực về phòng ngã (86,8%). Các yếu tố liên quan đến thái độ phòng ngã gồm thâm niên công tác và cập nhật kiến thức.

Từ khóa: Thái độ, điều dưỡng, phòng ngã, người cao tuổi.

SUMMARY

NURSES' ATTITUDE ON FALL PREVENTION FOR THE ELDERLY IN FRIENDSHIP HOSPITAL AND SOME RELATED FACTORS

Objective: To describe the attitude of nurses at Friendship Hospital on fall prevention for the elderly and some related factors. **Methods:** A cross-sectional descriptive research was conducted from March to June 2021 on 189 registered nurses at Friendship Hospital. **Results:** 86.8% of nurses have a positive attitude toward fall prevention; 97.4% of nurses are concerned about fall prevention; 48.7% of nurses are confident in their fall prevention ability. Percentage of nurses who have positive attitude in the group with less than 5 years working experience, updating their fall prevention knowledge, wanting to learn about fall prevention, knowing that fall prevention is a criterion for assessing hospital quality, knowing any fall prevention program was higher than the another group with (OR=3.96; 95% CI: 1.65-9.52), (OR=6.58; 95% CI: 1.84-23), respectively. ,55), (OR=5.46; 95%CI: 1.14-26.01), (OR=5.02; 95% CI: 1.31-1924); (OR=3.54; 95% CI:1.27-9.89), respectively. **Conclusion:** Most nurses have a positive attitude toward fall prevention (86.8%). The factors which influenced fall prevention attitude were working experience and fall prevention knowledge updating.

Keywords: Attitude, nursing, fall prevention, elderly.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngã là hiện tượng khá phổ biến ở người cao tuổi (NCT). Ở Mỹ, năm 2014, ước tính có khoảng

¹Đại học Thăng Long

²Đại học Y Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Thái Thị Thanh Huyền

Email: thanhhuyenthai89@gmail.com

Ngày nhận bài: 27.6.2022

Ngày phản biên khoa học: 4.8.2022

Ngày duyệt bài: 15.8.2022